

Số: /2022/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về phân cấp quản lý hoạt động cấp nước sạch trên địa
bàn tỉnh Quảng Trị**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 20 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật ban hành văn bản
quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của
Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định
số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ
sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 sản
xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày
27/12/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc
lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Bộ
Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-
CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ
nước sạch; Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Bộ
trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn;*

*Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ
Y tế về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám
sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;*

*Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ
Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước
sạch sinh hoạt;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số /TTr-SXD ngàythángnăm 2022 và Báo cáo thẩm định văn bản QPPL của Sở Tư pháp tại Văn bản số /BC-STP ngàytháng....năm 2022;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về phân cấp quản lý hoạt động cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Y tế, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Công thương; Công an tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng (báo cáo);
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh (báo cáo);
- HĐND tỉnh; các ban của HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh Quảng Trị;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hưng

QUY ĐỊNH

Về phân cấp quản lý hoạt động cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Quảng Trị
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngàythángnăm
2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định về các hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch theo hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh tại khu vực đô thị, khu vực nông thôn và các khu công nghiệp, khu kinh tế; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có hoạt động liên quan đến sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Những nội dung không được quy định trong văn bản này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/11/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có hoạt động liên quan đến việc sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý hệ thống cấp nước

1. Nhà nước thống nhất quản lý về hoạt động cấp nước, có phân cấp, phân công trách nhiệm theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đơn vị cấp nước, khách hàng sử dụng nước có xét đến việc hỗ trợ cấp nước cho người nghèo, các khu vực đặc biệt khó khăn.

2. Khai thác, sản xuất và cung cấp nước sạch không phụ thuộc vào địa giới hành chính. Ưu tiên khai thác nguồn nước để cấp nước cho mục đích sinh hoạt.

3. Nhà nước có trách nhiệm định hướng phát triển hệ thống cấp nước nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng.

4. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức cá nhân tham gia phát triển và bảo vệ hệ thống cấp nước.

5. Việc phát triển hệ thống cấp nước phải thực hiện theo nội dung quy hoạch cấp nước trong quy hoạch vùng huyện, quy hoạch tỉnh; kế hoạch cấp nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Nội dung quản lý nhà nước về cấp nước

1. Đầu tư phát triển hệ thống cấp nước.
2. Bảo đảm an toàn cấp nước, quản lý giá nước sạch.
3. Phân công, phân cấp trong quản lý hoạt động cấp nước.

Điều 4. Các hành vi bị cấm trong hoạt động cấp nước

1. Phá hoại các công trình, trang thiết bị cấp nước.
2. Vi phạm các quy định về bảo vệ khu vực an toàn giếng nước ngầm, nguồn nước mặt phục vụ cấp nước.
3. Vi phạm các quy định về bảo vệ hành lang an toàn tuyến ống nước thô, đường ống truyền tải nước sạch, các công trình kỹ thuật và mạng lưới cấp nước.
4. Cản trở việc kiểm tra, thanh tra hoạt động cấp nước.
5. Trộm cắp nước.
6. Gây ô nhiễm nước sạch chưa sử dụng.
7. Cung cấp thông tin không trung thực làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác trong hoạt động cấp nước.
8. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây phiền hà, sách nhiễu các tổ chức, cá nhân khác trong hoạt động cấp nước.
9. Đơn vị cấp nước cung cấp nước sạch cho mục đích sinh hoạt không bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.
10. Các hành vi phát tán chất độc hại và các bệnh truyền nhiễm, bệnh dễ lây lan.
11. Các hành vi khác vi phạm quy định của pháp luật về cấp nước.

Chương II

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CẤP NƯỚC

Điều 5. Xác định vùng phục vụ cấp nước

1. Vùng phục vụ cấp nước được quy định tại Điều 32, Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ.

2. Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế, UBND cấp huyện, UBND cấp xã xác định vùng phục vụ cấp nước sạch đô thị, khu công nghiệp và cấp nước sạch nông thôn theo phân cấp trên cơ sở đề xuất của nhà đầu tư hoặc đơn vị cấp nước, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến chấp thuận trước khi UBND cấp huyện, Ban Quản lý Khu kinh tế ký kết Thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước.

Điều 6. Lựa chọn đơn vị cấp nước và ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước

1. Thẩm quyền lựa chọn đơn vị cấp nước được quy định tại Khoản 6, Điều 29, Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 và điểm c Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27/12/2019 của Chính phủ.

2. Đối với địa bàn đã có tổ chức, cá nhân đang thực hiện dịch vụ cấp nước hoặc địa bàn chưa có đơn vị thực hiện dịch vụ cấp nước thì việc lựa chọn đơn vị cấp nước được thực hiện theo quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27/12/2019 của Chính phủ.

3. Ban Quản lý Khu kinh tế ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với đơn vị cấp nước thuộc địa phận Khu công nghiệp. UBND cấp huyện ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với đơn vị cấp nước thuộc địa phận đơn vị quản lý. Nội dung thỏa thuận cấp nước được quy định tại Khoản 2 Điều 31 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007.

Điều 7. Đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước

1. Đơn vị cấp nước lập Kế hoạch phát triển cấp nước trình UBND cấp huyện, Ban Quản lý Khu kinh tế ký Thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với đơn vị. UBND cấp huyện, Ban Quản lý Khu Kinh tế trên cơ sở đề xuất của đơn vị cấp nước phê duyệt Kế hoạch phát triển cấp nước hàng năm và dài hạn.

2. Việc chuyển nhượng quyền kinh doanh dịch vụ cấp nước của đơn vị cấp nước phải có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban quản lý Khu kinh tế đã ký Thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với đơn vị cấp nước đó.

3. Nguyên tắc chung trong công tác đầu tư phát triển hệ thống cấp nước: Việc lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước phải tuân theo các quy định về sản xuất, cung cấp, tiêu thụ nước sạch và các quy định khác có liên quan của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

4. Đối với các khu dân cư hiện trạng đã có đơn vị cấp nước: Đơn vị cấp nước phối hợp với UBND cấp huyện, cấp xã rà soát các khu vực chưa có nước sạch và lập kế hoạch đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước trên cơ sở xác định nhu cầu thực tế của người dân.

5. Đối với khu dân cư mới, khu đô thị mới, khu chung cư, thương mại, dịch vụ,... được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước: Chủ đầu tư thực hiện đầu tư mạng lưới cấp nước và bàn giao cho đơn vị cấp nước thực hiện quản lý cung cấp nước sạch, sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng theo các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công.

6. Đối với khu dân cư mới, khu đô thị mới, khu chung cư, khu thương mại, dịch vụ,... được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn không phải là ngân sách nhà nước:

Nhà đầu tư khi lập dự đầu tư, đề xuất dự án đầu tư, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi phải đề xuất sơ bộ phân hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư giữ lại để đầu tư kinh doanh, phần hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư có trách nhiệm bàn giao hoặc đề xuất bàn giao cho địa phương.

Chủ đầu tư có trách nhiệm đầu tư mạng lưới cấp nước trong phạm vi dự án theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và thực hiện các thủ tục đầu nối vào mạng lưới cấp nước của tỉnh (trừ trường hợp được phép tự sản xuất và cung cấp nước sạch). Tự vận hành hoặc thực hiện bàn giao cho đơn vị cấp nước thực hiện quản lý cung cấp nước sạch, sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng theo các quy định pháp luật hiện hành.

Bên nhận chuyển giao đã được xác định trong nội dung dự án thì bên nhận chuyển giao có quyền và nghĩa vụ tham gia quản lý chất lượng và nghiệm thu công trình trong suốt quá trình xây dựng cho đến khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.

7. Đối với khu công nghiệp:

a) Chủ đầu tư có trách nhiệm đầu tư mạng lưới cấp nước trong ranh giới khu, cụm công nghiệp. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm cung cấp nước qua đồng hồ tổng, giá nước do chủ đầu tư thỏa thuận với đơn vị cấp nước. Việc quản lý, sửa chữa, bảo dưỡng mạng lưới cấp nước, phân phối nước đến từng doanh nghiệp trong khu công nghiệp do chủ đầu tư chịu trách nhiệm.

b) Trường hợp chủ đầu tư thỏa thuận giao cho đơn vị cấp nước quản lý, sửa chữa, bảo dưỡng mạng lưới cấp nước, phân phối nước đến từng doanh nghiệp thì chủ đầu tư và đơn vị cấp nước thống nhất thực hiện và có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh để quản lý theo quy định.

8. Việc quản lý chất lượng công trình cấp nước được thực hiện theo các

quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và các quy định về phân cấp quản lý của UBND tỉnh.

Điều 8. Đầu nối, cấp nước cho khu đô thị, khu nhà ở, khu chung cư, khu đất đấu giá, khu tái định cư, khu nhà ở công nhân, khu, cụm công nghiệp, khu thương mại và dịch vụ.

Khi lập dự án đầu tư xây dựng các khu đô thị, khu nhà ở, khu tái định cư, khu nhà ở công nhân, khu, cụm công nghiệp, khu thương mại và dịch vụ, các chủ đầu tư có nhu cầu về cấp nước phải có văn bản thỏa thuận về nhu cầu tiêu thụ, cung cấp nước, điểm đầu nối nguồn cấp nước và đồng hồ tổng với Đơn vị cấp nước quản lý địa bàn. Thời gian đơn vị cấp nước có văn bản trả lời trước 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thỏa thuận cấp nước của chủ đầu tư.

Chương III

BẢN ĐẢM AN TOÀN CẤP NƯỚC VÀ QUẢN LÝ GIÁ NƯỚC

Điều 9. Xây dựng, cập nhật, quản lý dữ liệu cấp nước

1. Dữ liệu về hệ thống cấp nước bao gồm một số thông tin chủ yếu sau:

a) Đối với nhà máy nước: Tên đơn vị quản lý; vị trí; công suất; tính chất nguồn nước thô; công nghệ xử lý; quy chuẩn, tiêu chuẩn chất lượng nước sau xử lý áp dụng.

b) Đối với trạm bơm: Tên đơn vị quản lý, vị trí, công suất, áp lực.

c) Đối với mạng lưới đường ống (phạm vi trước đồng hồ đầu nối khách hàng): Tên đơn vị quản lý, vị trí, đường kính, chất liệu, thời điểm đầu tư, tình trạng sử dụng.

d) Dữ liệu cấp nước được cập nhật hàng quý vào hệ thống dữ liệu cấp nước chung.

2. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm xây dựng, thường xuyên cập nhật và cung cấp bản đồ hiện trạng mạng lưới cấp nước trong phạm vi quản lý cho Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Quản lý Khu Kinh tế, UBND cấp huyện theo định kỳ hàng năm một lần trước ngày 15/12.

3. Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan quản lý và tổng hợp dữ liệu cấp nước trên địa bàn tỉnh theo phạm vi phân cấp. Ban Quản lý Khu Kinh tế là cơ quan quản lý và tổng hợp dữ liệu cấp nước trên địa bàn Khu công nghiệp. UBND cấp huyện là cơ quan quản lý và tổng hợp dữ liệu cấp nước trên địa bàn mình quản lý.

Điều 10. Quản lý đồng hồ đo nước

1. Đơn vị cấp nước thực hiện việc lắp đặt đồng hồ đo nước. Mỗi khách hàng sử dụng nước chỉ lắp đặt 01 đồng hồ đo nước riêng.

2. Thời gian giải quyết việc lắp đặt đồng hồ đo nước trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ của khách hàng sử dụng nước (không tính thời gian xin phép đào đường, vỉa hè hoặc thời gian khắc phục trở ngại khách quan trong thi công).

3. Bảo quản đồng hồ đo nước

a) Khách hàng sử dụng nước có trách nhiệm phối hợp với đơn vị cấp nước bảo vệ, bảo quản đồng hồ đo nước và các niêm chì.

b) Các hành vi tự ý đục phá, xô dịch vị trí, nâng, hạ, sửa chữa, thay đổi cỡ, loại, tự ý tháo gỡ, điều chỉnh, phá hoại đồng hồ đo nước, ăn cắp nước sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Thay đồng hồ đo nước

a) Trường hợp đồng hồ đo nước bị hư hỏng, chỉ có đơn vị cấp nước mới được quyền sửa chữa, thay thế đồng hồ mới; chịu trách nhiệm kiểm định đồng hồ đo nước.

b) Trường hợp mất đồng hồ đo nước, hư hỏng đồng hồ đo nước do lỗi của khách hàng sử dụng nước, đơn vị cấp nước thay đồng hồ đo nước khác. Chi phí thay thế đồng hồ đo nước do hộ sử dụng nước thanh toán theo thỏa thuận.

c) Trường hợp đồng hồ đo nước bị hư hỏng hoặc vì lý do khách quan mà chì niêm phong bị đứt, khách hàng sử dụng nước phải thông báo ngay cho đơn vị cấp nước biết để tiến hành kiểm tra, bấm chì hoặc thay đồng hồ đo nước khác. Chi phí khắc phục, thay thế đồng hồ đo nước do đơn vị cấp nước thanh toán.

d) Khi khách hàng sử dụng nước báo lỗi, hỏng đồng hồ nước thì đơn vị cấp nước thực hiện hiện việc sửa chữa, khắc phục hoặc thay thế trong thời gian 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của khách hàng sử dụng nước.

4. Kiểm tra, kiểm định đồng hồ đo nước

a) Đồng hồ đo nước trước khi lắp đặt phải được kiểm định theo quy định hiện hành. Khách hàng sử dụng nước có quyền yêu cầu đơn vị cấp nước kiểm tra, kiểm định đồng hồ đo nước khi nghi ngờ đồng hồ đo nước chạy không chính xác. Đồng hồ đo nước được xem là vẫn chạy chính xác nếu kết quả kiểm tra, kiểm định có sai số không vượt quá $\pm 5\%$ lượng nước thực tế qua đồng hồ đo nước.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của khách hàng sử dụng nước, đơn vị cấp nước phải tiến hành kiểm tra, kiểm định

đồng hồ đo nước. Việc kiểm tra, kiểm định đồng hồ đo nước phải có sự chứng kiến của khách hàng sử dụng nước và được lập biên bản ghi rõ nội dung sự việc. Biên bản được lập 02 bản, đơn vị cấp nước giữ 01 bản, khách hàng sử dụng nước giữ 01 bản.

5. Ghi chỉ số đồng hồ đo nước

a) Trường hợp chỉ số đồng hồ đo nước bị ghi sai lệch dẫn đến việc tính không chính xác lượng nước sử dụng cho khách hàng sử dụng nước, thì đơn vị cấp nước phải thông báo cho khách hàng sử dụng nước biết lượng nước sai lệch và sẽ điều chỉnh vào kỳ hóa đơn tiếp theo.

b) Trường hợp đồng hồ đo nước bị hư hỏng hoặc vì những lý do khác mà đơn vị cấp nước không thể ghi được chỉ số đồng hồ đo nước thì lượng nước sử dụng trong kỳ hóa đơn được tính theo phương pháp trung bình cộng của hóa đơn tiền nước 03 tháng liền kề trước đó; trong vòng một tháng đơn vị cấp nước có trách nhiệm khắc phục để đọc được chỉ số đồng hồ, kể cả việc thay đồng hồ khác.

6. Đơn vị cấp nước xây dựng kế hoạch kiểm tra, kiểm định đồng hồ đo nước theo quy định của Nhà nước và chịu trách nhiệm về tính chính xác của đồng hồ đo nước.

7. Trường hợp khách hàng sử dụng nước không nhất trí với kết quả kiểm định của đơn vị cấp nước thì có quyền yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước về cấp nước ở địa phương tổ chức kiểm định độc lập theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5, Điều 50 Nghị định số [117/2007/NĐ-CP](#) ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ.

Điều 11. Quản lý hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước

1. Việc di dời hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước (trừ phần thuộc phạm vi của hộ sử dụng nước) được thực hiện trong những trường hợp sau:

a) Di dời để phù hợp với nhu cầu xây dựng các công trình theo dự án xây dựng, quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Chi phí di dời nằm trong tổng mức đầu tư của dự án (trừ trường hợp có thỏa thuận khác).

b) Di dời theo yêu cầu của hộ khách hàng sử dụng nước và phù hợp với các điều kiện quản lý mạng cấp nước của đơn vị cấp nước. Trường hợp này, chi phí di dời do hộ sử dụng nước chịu trách nhiệm thanh toán cho đơn vị cấp nước theo định mức, đơn giá tại thời điểm yêu cầu.

2. Cung cấp nước phòng cháy, chữa cháy

a) Đơn vị cấp nước đảm bảo cung cấp đủ áp lực, lưu lượng cho hệ thống họng, trụ cứu hỏa trên địa bàn tỉnh.

b) Các hành vi xâm phạm, gây thiệt hại đến hệ thống cấp nước phòng cháy, chữa cháy; các hành vi gây cản trở, trì hoãn việc lấy nước phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy sẽ bị xử lý theo quy định.

Điều 12. Nguyên tắc, trình tự, thủ tục xử lý sự cố đối với hệ thống cấp nước

Đơn vị cấp nước được giao nhiệm vụ quản lý hệ thống cấp nước chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, tổ chức xử lý sự cố đối với hệ thống cấp nước (đường ống, trạm bơm tăng áp, trạm clo, công trình xử lý nước, chất lượng nước,...) theo nguyên tắc, nội dung, trình tự sau đây:

1. Nguyên tắc:

a) Báo cáo sự cố và phối hợp giải quyết sự cố đảm bảo nhanh chóng, kịp thời, đúng trình tự quy định.

b) Khẩn trương, kịp thời khắc phục sự cố và ngăn ngừa các nguy hiểm có thể tiếp tục xảy ra do sự cố.

c) Đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ nguyên nhân sự cố để xử lý dứt điểm sự cố và xác định đối tượng chịu trách nhiệm (nếu có).

2. Báo cáo sự cố (chỉ báo cáo đối với các sự cố gây ảnh hưởng lớn đến sinh hoạt và sản xuất của người dân và doanh nghiệp)

a) Ngay sau khi xảy ra sự cố đối với hệ thống cấp nước, bằng phương pháp nhanh nhất (điện thoại trực tiếp), đơn vị cấp nước phải báo cáo tóm tắt về sự cố (địa điểm, thời điểm xảy ra sự cố, mô tả sơ bộ và diễn biến sự cố, tình hình thiệt hại, đánh giá sơ bộ nguyên nhân, đề xuất biện pháp khắc phục) đến Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan quản lý theo phân cấp để chỉ đạo kịp thời.

b) Trong vòng 05 giờ kể từ khi phát hiện xảy ra sự cố đối với hệ thống cấp nước, đơn vị cấp nước phải báo cáo về sự cố bằng văn bản với các thông tin nêu trên gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan quản lý theo phân cấp.

3. Giải quyết sự cố:

a) Báo cáo tóm tắt về sự cố theo quy định tại điểm a khoản 2 điều này ngay sau khi xảy ra sự cố.

b) Chủ động phối hợp với địa phương (huyện; thị xã; phường, xã) nơi xảy ra sự cố: Chụp ảnh, quay phim, thu thập chứng cứ, ghi chép các tư liệu cần thiết và lập hồ sơ sự cố; Lập biên bản kiểm tra hiện trường sự cố với các nội dung: địa điểm, thời điểm xảy ra sự cố, mô tả sơ bộ và diễn biến sự cố; sơ bộ về tình hình thiệt hại; sơ bộ về nguyên nhân sự cố.

c) Khẩn trương huy động con người, thiết bị thực hiện các biện pháp kịp thời để bảo đảm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại có thể xảy ra do sự cố.

4. Xử lý thiệt hại do sự cố hệ thống cấp nước:

Các tổ chức, cá nhân gây ra sự cố phải chịu trách nhiệm về thiệt hại hệ thống cấp nước do sự cố gây ra. Việc xác định mức độ thiệt hại phải đảm bảo tính chính xác và đầy đủ.

Điều 13. Giá nước sạch

Giá bán lẻ nước sạch bình quân do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đảm bảo phù hợp với khung giá nước sạch do Bộ Tài chính quy định. Đối với khu vực đặc thù (vùng nước ngập mặn, vùng ven biển, vùng có điều kiện sản xuất nước khó khăn), trường hợp chi phí sản xuất, kinh doanh, cung ứng nước sạch ở các vùng này cao làm giá bán lẻ nước sạch bình quân của đơn vị cấp nước sau khi Sở Tài chính thẩm định phương án giá nước sạch cao hơn mức giá tối đa trong khung giá do Bộ Tài chính quy định thì Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào tình hình thực tế, nhu cầu sử dụng nước sạch và thu nhập của người dân để quyết định giá bán nước sạch cho phù hợp.

Điều 14. Thông tin, báo cáo

1. Báo cáo thường xuyên: Các đơn vị cấp nước thực hiện báo cáo thường xuyên 1 quý/lần đối với các nội dung kết quả nội kiểm, ngoại kiểm chất lượng nước kết quả gửi về Sở Y tế, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện để theo dõi (thời gian là ngày 23 hàng tháng). Biểu mẫu báo cáo theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế

2. Báo cáo định kỳ: Các đơn vị cấp nước báo cáo định kỳ 1 lần/năm đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên nước, kết quả thanh, kiểm tra (nếu có) trong năm và các yêu cầu báo cáo chuyên ngành được quy định tại Thông tư số 07/2018/TT-BXD ngày 08/8/2018 của Bộ Xây dựng, Quyết định số 826/QĐ-BNN-TCTL ngày 07/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn gửi về các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Y tế và Ủy ban nhân dân cấp huyện để theo dõi, quản lý (thời gian vào ngày 15/12 của năm báo cáo).

3. Báo cáo đột xuất: khi xảy ra các sự cố trong sản xuất, cung cấp, tiêu thụ nước sạch hoặc khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

Chương III

PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CẤP NƯỚC SẠCH

Điều 15. Tổ chức và phân cấp quản lý hoạt động cấp nước sạch

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh; có phân công, phân cấp quản lý theo quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

2. Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là các cơ quan chuyên môn, tham mưu UBND tỉnh thực hiện công tác quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh, trong đó Sở Xây dựng ở khu vực đô thị, khu công nghiệp; Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn ở khu vực nông thôn.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp quản lý hệ thống cấp nước trên địa bàn quản lý hành chính; tổ chức quản lý mạng lưới cấp nước theo phân cấp, ủy quyền của UBND tỉnh.

4. Ban Quản lý Khu kinh tế phối hợp quản lý hệ thống cấp nước và tổ chức quản lý cấp nước trong phạm vi khu công nghiệp do đơn vị quản lý.

5. Đơn vị cấp nước thực hiện công tác quản lý, vận hành, duy trì thường xuyên và phát triển hệ thống cấp nước trong vùng phục vụ cấp nước theo phạm vi ký kết Thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước.

6. Các chủ đầu tư, đơn vị điều hành dự án chịu trách nhiệm quản lý, bảo vệ hệ thống cấp nước thuộc phạm vi dự án do đơn vị đang triển khai thực hiện trong thời gian chưa bàn giao đưa vào quản lý, sử dụng hoặc đang trong thời gian bảo hành công trình.

Điều 16. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành cấp tỉnh

1. Sở Xây dựng

Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực cấp nước sạch đô thị và các Khu công nghiệp, trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp trên cơ sở nội dung quy hoạch cấp nước trong quy hoạch vùng huyện, quy hoạch tỉnh được phê duyệt;

b) Hướng dẫn việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh;

c) Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện cấp nước an toàn; Tổ chức triển khai thực hiện Quy chế đảm bảo an toàn cấp nước trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn tại Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Bộ Xây dựng về thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn;

d) Chủ trì và phối hợp với các sở, ngành, các đơn vị liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra và giám sát việc thực hiện hoạt động cấp nước, chất lượng nước sạch sinh hoạt tại đô thị và khu công nghiệp;

đ) Tham gia ý kiến về Kế hoạch phát triển cấp nước hàng năm và dài hạn trong vùng phục vụ cấp nước của đơn vị cấp nước trước khi UBND cấp huyện, Ban Quản lý Khu Kinh tế phê duyệt.

e) Là cơ quan thường trực giúp việc cho Ban chỉ đạo cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch tỉnh Quảng Trị theo Quyết định 2355/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị.

f) Phối hợp với các đơn vị cung cấp nước xây dựng cơ sở dữ liệu về hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước chính và vị trí các công trình đầu mối cấp nước đô thị, khu công nghiệp;

g) Phối hợp với Sở Tài chính thẩm định phương án giá bán nước sạch tại đô thị và khu công nghiệp theo khung giá quy định của Nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

h) Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư lập danh mục các công trình cấp nước và xây dựng chính sách ưu đãi đầu tư liên quan đến hoạt động sản xuất, phân phối và tiêu thụ nước sạch tại đô thị và khu công nghiệp;

i) Tổng hợp, báo cáo hằng năm và đột xuất về tình hình hoạt động cấp nước sạch đô thị, khu công nghiệp về Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chuyên môn giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cấp nước sạch khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh :

a) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch cấp nước sạch khu vực nông thôn theo nội dung quy hoạch cấp nước trong quy hoạch vùng huyện, quy hoạch tỉnh được phê duyệt.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra và giám sát việc thực hiện việc sản xuất, cung cấp và tiêu thụ và bảo vệ công trình cấp nước tập trung khu vực nông thôn;

- Triển khai kế hoạch đảm bảo cấp nước an toàn, chống thất thoát, thất thu nước sạch khu vực nông thôn;

c) Phối hợp đơn vị cung cấp nước sạch trên địa bàn nông thôn xây dựng cơ sở dữ liệu về hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước chính và vị trí các công trình đầu mối cấp nước trên địa bàn nông thôn;

d) Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư lập danh mục các công trình cấp nước sạch và xây dựng chính sách ưu đãi đầu tư liên quan đến hoạt động sản xuất, phân phối và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn nông thôn;

e) Tổng hợp, báo cáo hằng năm và đột xuất tình hình hoạt động cấp nước sạch nông thôn về Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh;

b) Tổ chức hiệp thương giá bán buôn nước sạch khi có yêu cầu của bên bán buôn nước sạch hoặc bên mua buôn nước sạch (hoặc cả hai bên) theo quy định của Pháp luật.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thẩm định giá nước sạch trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tổ chức kiểm tra việc thực hiện quyết định giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh; phương án cấp bù giá nước từ ngân sách tỉnh;

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cơ chế, chính sách hỗ trợ các hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách đầu nổi sử dụng nước, mua nước sạch;

đ) Hướng dẫn và thực hiện quyết toán, đánh giá tài sản đối với các công trình cấp nước sạch được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

e) Chủ trì tham mưu UBND tỉnh quy trình chuyển giao tài sản công trình cấp nước được đầu tư từ nguồn ngân sách đến các đơn vị quản lý theo Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Tham mưu chính sách ưu đãi đầu tư cho các dự án cấp nước khi thẩm định chủ trương đầu tư theo quy định.

b) Tham mưu bố trí kế hoạch vốn để thực hiện đầu tư các dự án xây dựng công trình cấp nước theo chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư xây dựng công trình cấp nước tập trung;

5. Sở Y tế

a) Chủ trì xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sinh hoạt.

b) Hướng dẫn, phổ biến áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định của ngành Y tế liên quan đến các hoạt động cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

c) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra và giám sát chất lượng nước sạch của các đơn vị cấp nước sạch trên địa bàn theo quy định của Bộ Y tế; khi kiểm tra phải lấy mẫu nước tại các hộ dân; kết quả kiểm tra gửi các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố để theo dõi, giám sát.

d) Tổng hợp, đánh giá và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn chống thất thoát, thất thu nước sạch tỉnh về chất lượng nước sạch của các đơn vị cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh định kỳ hàng tháng và đột xuất khi có yêu cầu.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Thực hiện các chức năng về quản lý nguồn nước, đảm bảo nguồn nước thô sử dụng cho mục đích sinh hoạt không bị ô nhiễm.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, thực hiện cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho các đơn vị cấp nước sạch tập trung trên địa bàn tỉnh. Hạn chế cấp phép thăm dò, khai thác nước cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp khai thác sử dụng dưới đất tại khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung đảm bảo đáp ứng yêu cầu về chất lượng và số lượng.

c) Phối hợp với Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh việc thu phí tài nguyên nước, phí nước thải theo quy định;

d) Chủ trì, phối hợp các sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ đánh giá chất lượng nước thô khai thác để sản xuất nước sạch đối với các đơn vị cấp nước;

đ) Xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt theo quy định của Luật Tài nguyên nước, Thông tư số [24/2016/TT-BTNMT](#) ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.

7. Công an tỉnh

a) Phối hợp với các sở, ngành, UBND cấp huyện, đơn vị cấp nước bảo vệ an toàn hệ thống cấp nước trên địa bàn; chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, điều tra, xử lý nghiêm các hành vi làm ô nhiễm nguồn nước phục vụ ăn uống và sinh hoạt của nhân dân.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị cấp nước quản lý hệ thống các họng cứu hỏa, khai thác, sử dụng có hiệu quả hệ thống cấp nước phòng cháy, chữa cháy, thanh toán lượng nước sử dụng thực tế cho đơn vị cấp nước.

8. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch tổ chức thanh tra, kiểm tra về đo lường đối với đồng hồ đo nước lắp đặt vào hệ thống cấp nước.

b) Chỉ đạo Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng tuyên truyền, hướng dẫn các quy định của Nhà nước về đo lường; kiểm tra định kỳ hoạt động đo lường tại các đơn vị cấp nước.

9. Sở Giao thông vận tải:

Thực hiện việc thỏa thuận thiết kế, cấp phép thi công cho các đơn vị cấp nước và các cá nhân thi công đường ống trong hành lang kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và đường thủy theo quy định.

10. Ban quản lý Khu kinh tế:

a) Chỉ đạo các đơn vị cấp nước sạch khu công nghiệp phải đảm bảo cấp nước an toàn cho các doanh nghiệp, các đối tượng khác có liên quan trong phạm vi cấp nước.

b) Tổ chức quản lý hệ thống cấp nước thuộc phạm vi do đơn vị quản lý.

c) Ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với đơn vị cấp nước trong phạm vi quản lý.

d) Phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước ngắn hạn và dài hạn trong phạm vi quản lý.

đ. Lựa chọn đơn vị cấp nước để phục vụ nhu cầu cấp nước trong phạm vi quản lý

e) Báo cáo các nội dung liên quan về quản lý cấp nước khu công nghiệp gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

Điều 16. Trách nhiệm của UBND cấp huyện,

a) Tuyên truyền, vận động khách hàng sử dụng nước tiết kiệm và bảo vệ các công trình cấp nước;

b) Chỉ đạo công tác giải phóng mặt bằng phục vụ các dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng cấp nước trên địa bàn, kịp thời giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo, giải quyết những khó khăn vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng các dự án cấp nước;

c) Phê duyệt kế hoạch cấp nước hàng năm và dài hạn trên địa bàn quản lý. Trước khi phê duyệt kế hoạch cấp nước phải lấy ý kiến thỏa thuận của Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo phân cấp.

d) UBND cấp huyện ký thỏa thuận cung cấp dịch vụ với các đơn vị cấp nước sạch trên địa bàn; giám sát hoạt động cung cấp nước theo thỏa thuận đã ký.

e) Chủ trì kiểm tra, xử lý các vi phạm hành chính về cấp nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Trách nhiệm của đơn vị cấp nước

1. Chịu trách nhiệm quản lý, vận hành, bảo dưỡng, cải tạo và phát triển hệ thống cấp nước tập trung và các hạng, trụ nước chữa cháy được lắp đặt trên mạng lưới cấp nước do đơn vị quản lý.

2. Phát triển hoạt động cấp nước bền vững trên cơ sở khai thác tối đa mọi nguồn lực, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch với chất lượng bảo đảm, dịch vụ văn minh, hiệu quả cho người dân và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

3. Phối hợp triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển hệ thống cấp nước sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Bảo đảm nguồn nước cung cấp liên tục và đúng tiêu chuẩn chất lượng vệ sinh cho nhu cầu sử dụng của khách hàng (trừ trường hợp bất khả kháng). Trường hợp có sự cố dẫn đến cung cấp không đảm bảo thì đơn vị cấp nước phải khắc phục kịp thời, bồi thường thiệt hại cho khách hàng (nếu có) và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu gây ảnh hưởng tới sức khỏe khách hàng.

5. Ký hợp đồng và tiến hành đầu nối vào mạng lưới cấp nước nằm trong vùng phục vụ cấp nước do đơn vị quản lý.

6. Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan bảo vệ sự an toàn các công trình cấp nước và các khu vực hành lang an toàn cấp nước nằm trong vùng phục vụ cấp nước do đơn vị quản lý.

7. Kiểm tra định kỳ và báo cáo kết quả xét nghiệm mẫu nước về Sở Y tế, trong trường hợp mẫu nước không đạt tiêu chuẩn quy định thì phải có trách nhiệm xử lý khẩn cấp.

8. Tham gia ý kiến vào quy hoạch liên quan đến cấp nước trên địa bàn tỉnh.

9. Lập phương án giá nước, điều chỉnh giá nước theo từng vùng phục vụ cấp nước đã được xác định và từng giai đoạn, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

10. Lập Thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, trình Ban Quản lý Khu kinh tế, UBND cấp huyện xem xét, ký kết theo quy định.

11. Lập và trình Ban Quản lý Khu Kinh tế, UBND cấp huyện phê duyệt kế hoạch cấp nước hàng năm và dài hạn trong vùng phục vụ cấp nước.

12. Lập Kế hoạch cấp nước an toàn gửi Sở Xây dựng thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn phù hợp với điều kiện cụ thể của hệ thống cấp nước trong phạm vi quản lý.

13. Quản lý tài sản do nhà nước giao theo đúng quy định.

14. Tiếp nhận và quản lý tài sản liên quan đến việc cấp nước do chủ đầu tư các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng từ nguồn vốn ngoài ngân sách khi có yêu cầu.

15. Thường xuyên cập nhật và cung cấp bản đồ hiện trạng mạng lưới cấp nước trong phạm vi quản lý cho Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Quản lý Khu Kinh tế, UBND cấp huyện theo quy định.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn; phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức việc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.